

## **27. Thông báo cho chủ sở hữu công nghiệp, yêu cầu cung cấp chứng cứ.**

27.1. Đối với những vụ việc xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, người có thẩm quyền xử phạt cần thông báo cho chủ sở hữu công nghiệp liên quan biết và yêu cầu họ cung cấp văn bằng bảo hộ, tài liệu xác nhận chủ thể quyền, tình trạng, phạm vi bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp liên quan cũng như các thông tin cần thiết khác để xác định hành vi vi phạm và các biện pháp xử lý thích hợp đối với hành vi vi phạm, tang vật vi phạm.

27.2. Chủ sở hữu công nghiệp có nghĩa vụ cung cấp các tài liệu, chứng cứ, thông tin cần thiết cho việc xử lý vi phạm theo yêu cầu của người có thẩm quyền xử lý vi phạm và có quyền đưa ra các giải trình, đề nghị về các biện pháp xử lý thích hợp bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

## **28. Trường hợp không thụ lý đơn tố cáo và không áp dụng quy định xử phạt.**

Cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm sẽ không thụ lý đơn tố cáo vi phạm trong các trường hợp sau đây:

28.1. Hành vi vi phạm bị tố cáo được thực hiện tại thời điểm nằm ngoài thời hiệu xử phạt;

28.2. Quyền sở hữu công nghiệp đối với đối tượng sở hữu công nghiệp là đối tượng của hành vi xâm phạm nằm ngoài thời hạn, phạm vi bảo hộ ghi trong Văn bằng bảo hộ, Giấy chứng nhận hợp đồng li-xăng liên quan;

28.3. Những vụ việc mà người tố cáo đồng thời khởi kiện tại Tòa án, việc tố cáo đã được Tòa án thụ lý để giải quyết hoặc đã có bản án quyết định của Tòa án.

## **VII. HIỆU LỰC THI HÀNH**

**29.** Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Các vụ việc chưa được xử lý đến ngày Thông tư này có hiệu lực được giải quyết theo quy định tại Thông tư này. Trong khi chờ Bộ Tài chính ban hành quy định về mức lệ phí giám định về sở hữu công nghiệp, Cục Sở hữu công nghiệp và các Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường

tạm thu lệ phí giám định theo mức thu áp dụng đối với đơn khiếu nại về xâm phạm quyền quy định tại Thông tư số 23/TC-TCT ngày 09/5/1997 về chế độ thu, nộp và sử dụng phí và lệ phí sở hữu công nghiệp./.

KT. Bộ trưởng

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường  
*Thủ trưởng*

**HOÀNG VĂN HUÂY**

## **BỘ TÀI CHÍNH**

## **THÔNG TƯ số 41/2000/TT-BTC ngày 19/5/2000 hướng dẫn quản lý tài chính đối với các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, mục tiêu được áp dụng cơ chế của chương trình mục tiêu quốc gia.**

*Căn cứ Quyết định số 531/TTg ngày 08/8/1996 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý các chương trình quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 38/2000/QĐ-TTg ngày 24/3/2000 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 531/TTg ngày 08/8/1996 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý các chương trình quốc gia;*

*Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý tài chính đối với các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu được áp dụng cơ chế của chương trình mục tiêu quốc gia (dưới đây gọi chung là chương trình mục tiêu) như sau:*

### **I. VỀ VIỆC GIAO VÀ ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**

Đối với các Bộ, cơ quan trung ương: Căn cứ dự toán ngân sách Thủ tướng Chính phủ đã giao, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hướng dẫn,

thực hiện phân bổ giao nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc, gửi Bộ Tài chính theo quy định để làm căn cứ cấp phát ngân sách.

Đối với các địa phương: Hàng năm, căn cứ tổng dự toán ngân sách các chương trình mục tiêu được Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Tài chính hướng dẫn và phân vốn huy động các nguồn lực của địa phương theo luật định để bổ sung cho thực hiện các chương trình mục tiêu, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (dưới đây gọi chung là tỉnh) tiến hành lồng ghép các chương trình mục tiêu trên địa bàn và thực hiện bố trí, phân bổ kinh phí cho từng chương trình mục tiêu.

Năm 2000, đối với những chương trình mục tiêu quan trọng đã được giao chi tiết (đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn; Chương trình phòng chống HIV/AIDS; Chương trình thanh toán một số bệnh xã hội và dịch bệnh nguy hiểm) phải bố trí đảm bảo mức vốn, kinh phí được phân bổ tối thiểu không thấp hơn mức hướng dẫn tại Quyết định số 91/1999/QĐ-BTC ngày 29/12/1999 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; đồng thời phân rõ vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp của các chương trình mục tiêu theo hướng dẫn tại Quyết định số 123/1999/QĐ-BKH ngày 29/12/1999 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Dự toán phân bổ hàng năm Ủy ban nhân dân các tỉnh gửi về Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan quản lý chương trình (phần kinh phí do cơ quan quản lý chương trình chịu trách nhiệm theo dõi thực hiện) trước ngày 31 tháng 1, trong đó phân định rõ vốn ngân sách trung ương và phân vốn huy động ở địa phương theo quy định để làm căn cứ cấp phát ngân sách; riêng năm 2000 gửi dự toán phân bổ trước ngày 15 tháng 6.

## II. VỀ CẤP PHÁT VỐN, KINH PHÍ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU

### 1. Phương thức cấp phát.

1.1. Đối với nhiệm vụ của các chương trình mục tiêu do Trung ương quản lý: Bộ Tài chính cấp cho các Bộ, cơ quan trung ương để thực hiện nhiệm vụ của chương trình mục tiêu.

1.2. Đối với nhiệm vụ của các chương trình mục tiêu do địa phương quản lý (bao gồm vốn đầu tư xây dựng cơ bản và kinh phí sự nghiệp): Bộ Tài chính cấp bổ sung có mục tiêu cho các tỉnh thực hiện các chương trình mục tiêu sau:

(1) Chương trình quốc gia xóa đói giảm nghèo (bao gồm cả vốn đầu tư xây dựng cơ bản của chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa).

(2) Chương trình quốc gia dân số và kế hoạch hóa gia đình.

(3) Chương trình quốc gia thanh toán một số bệnh xã hội và bệnh dịch nguy hiểm.

(4) Chương trình quốc gia phòng chống HIV/AIDS.

(5) Chương trình quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

(6) Chương trình quốc gia về thể thao.

(7) Chương trình quốc gia về hỗ trợ việc làm đến năm 2000 (không kể phần vốn cho vay giải quyết việc làm vẫn thực hiện cấp qua hệ thống Kho bạc nhà nước để cho vay theo chế độ hiện hành).

(8) Chương trình phòng chống tội phạm.

(9) Các chương trình kỹ thuật - kinh tế: công nghệ thông tin, công nghệ tự động hóa, công nghệ vật liệu, công nghệ sinh học.

(10) Chương trình phòng chống ma túy.

(11) Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng.

(12) Chương trình khai thác, sử dụng đất hoang hóa, bãi bồi ven sông, ven biển và mặt nước ở các vùng đồng bằng (chương trình 773).

(13) Chương trình phủ sóng phát thanh.

(14) Chương trình phủ sóng truyền hình.

(15) Chương trình giáo dục - đào tạo.

(16) Chương trình văn hóa.

(17) Chương trình chăm sóc trẻ em.

(18) Chương trình phòng chống mại dâm.

(19) Kế hoạch hành động dinh dưỡng quốc gia.

(20) Mục tiêu nâng cấp trang thiết bị y tế.

(21) Chương trình xây dựng trung tâm cụm xã miền núi, vùng cao.

(22) Chi hỗ trợ đầu tư phát triển ngành truyền hình bằng nguồn thu quảng cáo truyền hình.

Riêng năm 2000, Thủ tướng Chính phủ đã giao dự toán của Chương trình phủ sóng phát thanh và chương trình phủ sóng truyền hình cho Đài Tiếng nói Việt Nam và Đài Truyền hình Việt Nam (không giao cho địa phương); Bộ Tài chính thực hiện cấp phát cho Đài Tiếng nói Việt Nam và Đài Truyền hình Việt Nam theo đúng chỉ tiêu dự toán Thủ tướng Chính phủ đã giao.

1.3. Đối với vốn chuẩn bị động viên: Thực hiện cơ chế quản lý và cấp phát kinh phí ủy quyền theo hướng dẫn tại Công văn số 680/TC-VI ngày 23/4/1993 của Bộ Tài chính.

1.4. Chi trợ giá chính sách: Thực hiện cơ chế quản lý, cấp phát kinh phí ủy quyền cho các địa phương theo Nghị định số 20/1998/NĐ-CP ngày 31/3/1998 của Chính phủ.

1.5. Đối với Chương trình biển Đông - Hải đảo: Thực hiện cơ chế quản lý, cấp phát theo Thông tư số 06/KHĐT-TC-BBGCP ngày 25/7/1996 của liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Tài chính - Ban Biên giới Chính phủ.

1.6. Đối với kinh phí năm 1999 của các chương trình mục tiêu:

- Đối với kinh phí xây dựng cơ bản được tiếp tục thanh toán và quyết toán theo hướng dẫn tại Công văn số 560/TC-NSNN ngày 18/2/2000 của Bộ Tài chính và các văn bản khác (nếu có).

- Đối với kinh phí của Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng; Chương trình 773; Chương trình xây dựng trung tâm cụm xã; đường ra biên giới; vốn đầu tư xây dựng cơ bản của chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa (nếu còn) nếu được cấp có thẩm quyền quyết định tiếp tục thực hiện thì được áp dụng theo cơ chế quản lý năm 1999.

**2. Quy trình cấp phát:** Thực hiện theo quy định hiện hành, cụ thể:

2.1. Đối với kinh phí cấp cho các Bộ, cơ quan trung ương và cấp bổ sung có mục tiêu cho địa phương:

- Vốn đầu tư xây dựng cơ bản: cơ quan tài chính chuyển vốn sang Kho bạc nhà nước để cấp phát và thanh toán cho các dự án theo cơ chế quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

- Kinh phí sự nghiệp: Cơ quan tài chính cấp phát cho các đơn vị thực hiện chương trình mục tiêu theo cơ chế cấp phát kinh phí hành chính sự nghiệp.

2.2. Đối với vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa (Chương trình 135), Chương trình xây dựng trung tâm cụm xã, Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng và Chương trình 773:

Thực hiện Quyết định số 38/2000/QĐ-TTg ngày 24/3/2000 của Thủ tướng Chính phủ; từ năm 2000 ngân sách trung ương cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương cùng với kinh phí của các chương trình mục tiêu khác; đồng thời Bộ Tài chính có công văn thông báo cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố biết tổng mức vốn, kinh phí đã chuyển về từng đợt cho các địa phương.

Căn cứ vào quyết định phân bổ vốn, kinh phí cho từng chương trình mục tiêu, trên từng địa bàn huyện của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và mức vốn, kinh phí đã được cơ quan tài chính cấp trên chuyển về; cơ quan tài chính các cấp ở địa phương có trách nhiệm chuyển kịp thời, đầy đủ vốn, kinh phí để thực hiện các chương trình, mục tiêu sang hệ thống Kho bạc nhà nước. Hệ thống Kho bạc nhà nước có trách nhiệm thanh toán vốn, kinh phí cho khối lượng đã thực hiện của các chương trình, dự án kịp thời, đúng chế độ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 416/1999/TTLT/BKH-UBDTMN-TC-XD ngày 29/4/1999 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Dân tộc và Miền núi, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng về hướng dẫn quản lý đầu tư và xây dựng công trình hạ tầng ở các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa.

2.3. Đối với kinh phí ủy quyền: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 103/1998/TT-BTC ngày 18/7/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc phân cấp, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, mục tiêu và công tác cấp phát, thanh toán vốn, kinh phí cho các chương trình, mục tiêu theo quy định.

### III. VỀ KINH PHÍ CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU

1. Đối với Ban quản lý chương trình mục tiêu ở Trung ương: Kinh phí hoạt động được giao trong dự toán chi quản lý hành chính của các Bộ, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu; các Bộ, cơ quan quản lý chương trình phân bổ và giao kinh phí hoạt động cho Ban quản lý để tổ chức triển khai thực hiện chương trình (riêng đối với kinh phí hoạt động của Ban quản lý chương trình quốc gia thanh toán một số bệnh xã hội và dịch bệnh nguy hiểm được bố trí trong dự toán chi sự nghiệp y tế).

2. Đối với kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu của địa phương: Căn cứ dự toán ngân sách địa phương được giao, Ủy ban nhân dân các tỉnh phân bổ và công khai kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh, huyện, xã; đồng thời đảm bảo kinh phí hoạt động cho Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu để tổ chức triển khai các chương trình mục tiêu thực hiện trên địa bàn.

3. Đối với Chương trình quốc gia dân số và kế hoạch hóa gia đình: Dự toán ngân sách các chương trình mục tiêu năm 2000 giao cho các địa phương đã bao gồm kinh phí chi hành chính cho bộ máy quản lý nhà nước của Ủy ban Dân số và kế hoạch hóa gia đình địa phương. Khi phân bổ kinh phí, các địa phương cần phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình Dân số và kế hoạch hóa gia đình bao gồm cả kinh phí chi hành chính cho bộ máy quản lý nhà nước của Ủy ban Dân số và kế hoạch hóa gia đình địa phương.

Nội dung nhiệm vụ chi công tác quản lý chương trình mục tiêu đối với từng cấp ở Trung ương, tỉnh, huyện, xã thực hiện theo dự toán cấp có thẩm quyền giao và chế độ chi tiêu quy định

### IV. VỀ BÁO CÁO, QUYẾT TOÁN KINH PHÍ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU

Định kỳ hàng quý, năm, các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu được giao (bao gồm cả khối lượng, nhiệm vụ và kinh phí đã thực hiện trong kỳ) gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và cơ quan quản lý chương trình mục tiêu (phần kinh phí do cơ quan quản lý chương trình chịu trách nhiệm theo dõi thực hiện).

Kinh phí các chương trình mục tiêu cấp phát theo hình thức bổ sung có mục tiêu được quyết toán vào ngân sách địa phương theo chương, loại, khoản, mục, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước (kể cả vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa; dự án trồng mới 5 triệu ha rừng và chương trình xây dựng trung tâm cụm xã). Bộ Tài chính tổng hợp quyết toán ngân sách địa phương (trong đó có quyết toán chi thực hiện các chương trình mục tiêu) vào tổng quyết toán ngân sách nhà nước.

Kinh phí các chương trình mục tiêu cấp phát theo hình thức kinh phí ủy quyền quyết toán theo quy định hiện hành.

### V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 1 năm 2000; các quy định trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

Các mục tiêu của các chương trình quốc gia cũ được quy định tại Công văn số 04/CP-VX ngày 04/1/1999 và Quyết định số 19/1998/QĐ-TTg ngày 24/1/1998 của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục được thực hiện cơ chế tài chính theo Quyết định

số 38/2000/QĐ-TTg ngày 24/3/2000 của Thủ tướng Chính phủ cho đến hết năm 2000. Từ năm 2001, các Bộ, cơ quan trung ương và các tỉnh bố trí kinh phí thường xuyên hàng năm để thực hiện.

Đối với những khoản kinh phí của các chương trình mục tiêu trong quý I năm 2000 Bộ Tài chính đã tạm cấp cho các tỉnh theo hình thức kinh phí ủy quyền: Bộ Tài chính thực hiện điều chỉnh cấp phát từ hình thức kinh phí ủy quyền sang cấp bổ sung có mục tiêu; căn cứ vào số liệu của Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước Trung ương chỉ đạo Kho bạc nhà nước các địa phương phối hợp với Sở Tài chính - Vật giá thực hiện điều chỉnh từ hình thức cấp phát kinh phí ủy quyền sang cấp bổ sung có mục tiêu để đảm bảo quản lý thống nhất. Cụ thể:

- Hạch toán giảm chi cấp phát kinh phí ủy quyền ở chương, loại, khoản, mục, tiểu mục đã cấp phát, hạch toán tăng chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương.

- Các khoản kinh phí ủy quyền Sở Tài chính - Vật giá đã cấp phát cho các đơn vị trực tiếp sử dụng, được chuyển vào hạch toán chi ngân sách địa phương và quyết toán chi ngân sách địa phương.

- Đối với số dư hạn mức kinh phí ủy quyền chưa chi hết, được chi tiếp và hạch toán chuyển thành số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương.

Các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh căn cứ vào Thông tư số 103/1998/TT-BTC ngày 18/7/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc phân cấp, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước và những quy định tại Thông tư này, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị và các chính quyền địa phương tổ chức thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
*Thứ trưởng*

PHẠM VĂN TRỌNG

## THÔNG TƯ số 42/2000/TT-BTC ngày 23/5/2000 hướng dẫn thực hiện chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ hỗ trợ phát triển.

Thực hiện Quyết định số 232/1999/QĐ-TTg ngày 17/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý tài chính đối với Quỹ hỗ trợ phát triển, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể như sau:

### I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này áp dụng cho hệ thống Quỹ hỗ trợ phát triển, bao gồm: Quỹ hỗ trợ phát triển Trung ương; Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Văn phòng giao dịch trong nước và nước ngoài của Quỹ hỗ trợ phát triển.

2. Quỹ hỗ trợ phát triển được Nhà nước cấp vốn điều lệ, vốn hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, bù chênh lệch lãi suất và được huy động các nguồn vốn trung, dài hạn để thực hiện cho vay đầu tư, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, bảo lãnh tín dụng theo đúng quy định của Nhà nước.

3. Quỹ hỗ trợ phát triển có trách nhiệm đảm bảo hoàn vốn và bù đắp chi phí, được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước.

4. Quỹ hỗ trợ phát triển là đơn vị hạch toán tập trung toàn hệ thống, được sử dụng các khoản thu nhập để trang trải các chi phí trong quá trình hoạt động; được phân phối chênh lệch thu chi tài chính theo đúng các quy định tại Thông tư này.

5. Chủ tịch Hội đồng quản lý, Tổng giám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc quản lý an toàn vốn và tài sản của Quỹ, sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả.

6. Bộ Tài chính thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính, có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra hoạt động thu, chi tài chính của Quỹ.

### II. QUY ĐỊNH VỀ VỐN VÀ TÀI SẢN

1. Vốn hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển gồm: